

Số: /KH-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 6 năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai Kế hoạch hành động số 459-KHHĐ/TU ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57-NQ/TW);

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 71/NQ-CP);

Căn cứ Kế hoạch hành động số 459-KHHĐ/TU ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Kế hoạch hành động), Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch hành động, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 71/NQ-CP và Kế hoạch hành động.

2. Xác định nhiệm vụ cụ thể để các sở, ban, ngành Thành phố và chính quyền các địa phương xây dựng kế hoạch hành động, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 71/NQ-CP và Kế hoạch hành động, hiện thực hóa mục tiêu đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KH-CN, ĐMST và CDS) là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị, phát triển kinh tế - xã hội xứng tầm của Thành phố trong kỷ nguyên mới.

3. Việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động phải được tiến hành đồng bộ với việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, chiến lược, chương trình, quy hoạch, kế hoạch, dự án, đề án về phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và giai đoạn của các sở, ban, ngành, địa phương.

4. Đánh giá tình hình thực hiện, tiến độ, mục tiêu và các biện pháp tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch; kết quả đạt được; những khó khăn, vướng mắc cần giải quyết (nếu có) để kịp thời điều chỉnh, bổ sung và hoàn chỉnh các mục tiêu đề ra hằng năm của các sở, ban, ngành, địa phương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Nâng cao năng lực nội sinh, sức cạnh tranh của kinh tế Thành phố thông qua đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và ứng dụng KH-CN, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trong các ngành, lĩnh vực chủ lực; nâng cao tỷ trọng đóng góp của chỉ số Năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) trong tăng trưởng GRDP của Thành phố.

b) Thúc đẩy hoạt động ĐMST, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp, từng bước hình thành trung tâm nghiên cứu - phát triển, kết nối chặt chẽ trung tâm nghiên cứu - phát triển với cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; khơi dậy tinh thần sáng tạo và thu hút nguồn lực chất lượng cao từ trong và ngoài nước.

c) Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả, đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của tổ chức, cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường số, dựa trên dữ liệu; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tiện ích số thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển bền vững.

d) Tái cấu trúc, xây dựng hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt, ưu tiên áp dụng công nghệ điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, từng bước nâng cao chất lượng sống của người dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

đ) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy tiềm lực sáng tạo của mọi tầng lớp xã hội, thúc đẩy liên kết vùng, hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ, đóng góp tích cực vào mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

2. Mục tiêu cụ thể

Nhằm thực hiện hiệu quả, đạt được mục tiêu chung trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Ban Thường vụ Thành ủy xác định các mục tiêu cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện theo 5 giai đoạn (đến hết năm 2025; đến hết năm 2030; đến hết năm 2035; đến hết năm 2040; đến hết năm 2045); tập trung thực hiện các mục tiêu về:

- (1) Phát triển hạ tầng.
- (2) Phát triển nguồn lực.
- (3) Phát triển khoa học và công nghệ.
- (4) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

(5) Phát triển chuyên đổi số.

(Chi tiết tại Phụ lục Các mục tiêu cụ thể thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển KH-CN, ĐMST, CDS và Đề án 06 Thành phố (Ban Chỉ đạo); Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo; có cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp cho các cán bộ chuyên trách tham mưu triển khai Nghị quyết; bố trí cán bộ có trình độ, năng lực về khoa học, kỹ thuật vào cấp ủy các cấp đảm bảo tối thiểu tỉ lệ đề ra của Nghị quyết số 71/NQ-CP.
- Ban hành kế hoạch, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, phân công rõ trách nhiệm, thời gian, nội dung, sản phẩm cho các sở, ngành, cấp cơ sở, ...
- Lồng ghép các nội dung trong Nghị quyết số 57-NQ/TW vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.
- Thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ cấp Thành phố, mời các chuyên gia, các nhà khoa học, nhà quản lý có uy tín trong và ngoài nước tham gia vào Hội đồng tư vấn để tham mưu cho Ban Chỉ đạo kịp thời, hiệu quả.
- Thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp; tăng cường sự vào cuộc của các sở, ban, ngành; giao trách nhiệm, lộ trình cụ thể.

2. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

2.1. Tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị, đến từng cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân

Tổ chức tuyên truyền, tập huấn để nâng cao nhận thức, quyết tâm về vấn đề phát triển KH-CN và ĐMST, thực hiện CDS trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp, tạo niềm tin, khí thế mới trong xã hội. Thiết lập đội tuyên truyền triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Thành phố nhằm đảm bảo hoạt động tuyên truyền được thống nhất, có chiều sâu. Chủ động mời chuyên gia, nhà khoa học có kinh nghiệm thực tế về KH-CN, ĐMST và CDS tham gia chia sẻ, trao đổi.

- Nội dung quán triệt, tuyên truyền cần tập trung vào các vấn đề cốt lõi của Nghị quyết số 57-NQ/TW gắn với thực tiễn của Thành phố.
- Hình thức quán triệt cần đa dạng, phong phú (hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn, tài liệu, video, cuộc thi, ...) cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; phổ biến đến cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân.
- Xây dựng tài liệu, cẩm nang về KH-CN, ĐMST và CDS dưới dạng dễ tiếp cận (video clip, infographic, mạng xã hội...).

- Mời chuyên gia có kinh nghiệm thực tế về KH-CN, ĐMST và CDS tham gia chia sẻ, trao đổi.

2.2. Xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể, chi tiết, phân công trách nhiệm rõ ràng, xác định thời hạn hoàn thành và chỉ tiêu đánh giá

- Người đứng đầu cơ quan, sở, ngành, địa phương phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai và chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể. Kế hoạch cần xác định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể cho từng giai đoạn năm 2025 đến năm 2030, 2035, 2040, 2045 (Tập trung các chỉ tiêu về số lượng đề tài, dự án ứng dụng KH-CN; doanh nghiệp KH-CN; sáng kiến; tỉ lệ đóng góp của TFP, PII; dịch vụ công trực tuyến toàn trình; tỷ lệ dân số có tài khoản định danh điện tử; số lượng doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số; các lĩnh vực chủ yếu như sản xuất, dịch vụ, quản lý nhà nước, y tế, giáo dục, giao thông,...).

- Kế hoạch cần phân công đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp cho từng nhiệm vụ và cần xác định rõ nguồn lực thực hiện (nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất, ...), lượng hóa, cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ, sản phẩm để theo dõi và đánh giá hiệu quả triển khai.

2.3. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

- Người đứng đầu cơ quan, sở, ngành, địa phương phải đưa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển KH-CN, ĐMST vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; tích cực đặt hàng, đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ KH-CN, ĐMST và CDS để giải quyết các vấn đề thực tiễn tại cơ quan, địa phương.

- Kết quả thực hiện là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng hằng năm của cán bộ, công chức.

2.4. Đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng

- Thiết lập đội tuyên truyền triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Thành phố nhằm đảm bảo hoạt động tuyên truyền được thống nhất, có chiều sâu.

- Huy động các cơ quan báo chí của địa phương, Cổng thông tin điện tử Thành phố, trang thông tin các sở, ban ngành để phổ biến lợi ích của phát triển KH-CN, ĐMST và CDS.

- Đa dạng hóa hình thức truyền thông (báo chí, truyền hình, phát thanh, mạng xã hội...).

- Xây dựng kênh truyền thông chuyên biệt (cổng thông tin, bản tin, chuyên mục truyền hình địa phương...) về KH-CN, ĐMST và CDS. Xây dựng chương trình truyền thông riêng cho từng đối tượng (cán bộ lãnh đạo, chuyên viên, doanh nghiệp, người dân...).

- Triển khai sâu rộng phong trào “học tập số”, phổ cập, nâng cao tri thức số, tri thức về KH-CN, ĐMST và CDS trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn.

- Vận động Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, hiệp hội doanh nghiệp tham gia tuyên truyền; lồng ghép với phong trào thi đua yêu nước, khởi nghiệp sáng tạo.

- Khơi dậy các phong trào thi đua, mở rộng, đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng đối với các chuyên gia, nhà khoa học, nhà sáng chế, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích phát triển KH-CN, ĐMST và CDS, các mô hình tiêu biểu, điển hình trong phát triển KH-CN, ĐMST và CDS trên địa bàn.

2.5. Xây dựng văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số

- Ban hành quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức.
- Phổ cập kiến thức “văn hóa số” trong trường học:
 - + Đưa nội dung “Đạo đức số” và “Kỹ năng số” vào chương trình giáo dục phổ thông (môn giáo dục công dân, tin học).
 - + Tổ chức lớp tập huấn ngoại khóa cho học sinh - sinh viên.
- Bồi dưỡng, cập nhật “đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số” cho cán bộ, công chức, viên chức (đặc biệt trong các lĩnh vực: báo chí, truyền thông, giáo dục, y tế, khoa học, hành chính công).
- Phát động các phong trào thi đua, sáng kiến, thí điểm mô hình về “văn hóa số”.
- Kiểm tra, giám sát thường xuyên, liên tục các hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức trên không gian mạng.

3. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển KH-CN, ĐMST và CDS

3.1. Chủ động rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật (các quy định về lĩnh vực đất đai, đầu tư, mua sắm công, thủ tục hành chính, sở hữu trí tuệ, thuế, tín dụng...) thuộc thẩm quyền của Thành phố hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung để ban hành chính sách ưu đãi trong nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo; đồng thời, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ số, khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ số, tháo gỡ các điểm nghẽn, các rào cản về thể chế, cơ chế, chính sách và nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển mang tính đột phá của KH-CN, ĐMST và CDS.

3.2. Xây dựng quy hoạch, chiến lược và các kế hoạch cụ thể để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Thành phố giai đoạn 2025 - 2045, đồng bộ với quy hoạch của Thành phố tầm nhìn tới năm 2045, tập trung cả hệ thống chính trị để thực hiện thành công các quy hoạch, chiến lược, kế hoạch, biến tiềm năng thành hiện thực trong thời gian sớm nhất.

3.3. Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội về cơ chế đột phá để đầu tư mạnh mẽ vào xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo/Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, mở rộng các phòng thí nghiệm mở và phát triển

hạ tầng số. Đồng thời, đẩy mạnh thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp trong và ngoài nước; tạo điều kiện thuận lợi để các chuyên gia quốc tế tham gia vào các dự án nghiên cứu lớn, nâng cao năng lực khoa học - công nghệ và chuyển đổi số của Thành phố, tập trung vào 05 nhóm cơ chế, chính sách trong lĩnh vực như Công nghệ thông tin và truyền thông (ICT); Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ phát triển các nhóm ngành dịch vụ về tài chính, logistic, giao thông vận tải, y tế, giáo dục, ...; Công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp, y tế và môi trường; Công nghệ vật liệu mới và tự động hóa, vi mạch, bán dẫn; Công nghệ năng lượng tái tạo và bền vững, cụ thể: (1) Cơ chế hoạt động tự chủ và cơ chế tài chính bền vững cho các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trọng điểm của Thành phố (về cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn nhân lực, hợp tác, ...) nhằm tạo nền tảng vững chắc, động lực thúc đẩy các tổ chức khoa học và công nghệ (KH-CN) phát triển mạnh mẽ đúng với vai trò hạt nhân của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, đồng thời nâng cao vai trò “bà đỡ” của Nhà nước trong mô hình 3 nhà: trường, viện - doanh nghiệp và Nhà nước; (2) Cơ chế tài chính đầu tư và hỗ trợ tài chính phù hợp thông lệ quốc tế triển khai nhiệm vụ KH-CN (đột phá từ mô hình tài chính, mô hình quản lý nhiệm vụ KH-CN, mô hình hợp tác, triển khai ứng dụng; chấp nhận rủi ro, “độ trễ” trong nghiên cứu khoa học) để đẩy mạnh thu hút nguồn lực xã hội, đặc biệt là từ khu vực doanh nghiệp đầu tư cho phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ hoạt động nghiên cứu phát triển và cho hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; (3) Chính sách hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu KH-CN, tài sản trí tuệ; (4) Hoàn thiện đồng bộ hành lang pháp lý cùng các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư và hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo để phát triển mô hình đô thị sáng tạo là động lực phát triển mới cho Thành phố; (5) Xây dựng cơ chế, chính sách, ưu đãi tạo điều kiện thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về KH-CN, ĐMST và CDS, đặc biệt là thu hút chuyên gia về làm việc, sinh sống tại các cơ quan đảng, nhà nước, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và các doanh nghiệp trên địa bàn. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút vốn đầu tư tư nhân; đổi mới phương thức đầu tư hợp tác công - tư cho các dự án hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu.

3.4. Tạo cơ chế, điều kiện chuyên gia công nghệ:

- Sẵn sàng thử nghiệm các công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới (sandbox), có kiểm soát rủi ro; tạo cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp công nghệ số.
- Xây dựng các khu vực, các không gian sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, để thử nghiệm các mô hình kinh doanh, sản phẩm, công nghệ mới.
- Xây dựng Đề án cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới, cơ chế thí điểm hỗ trợ người sử dụng gắn với kết quả nghiên cứu công nghệ mới, vật liệu mới, mô hình kinh doanh mới có sự giám sát của Nhà nước, miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan nhằm tạo dựng một môi trường minh bạch, cạnh tranh, không có rào cản đối với các ý tưởng đổi mới sáng tạo.

3.5. Xây dựng và hình thành các quỹ: quỹ phát triển KH-CN, quỹ hỗ trợ ĐMST, quỹ đầu tư khởi nghiệp (nếu đủ điều kiện). Ưu tiên bố trí ngân sách cho các nhiệm vụ KH-CN trọng điểm, dự án CDS, đồng thời kêu gọi xã hội hóa (hợp tác công - tư, công - công, quỹ đầu tư mạo hiểm...).

3.6. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp, viện, trường. Rà soát, cắt giảm các thủ tục không cần thiết. Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp công nghệ, startup tiếp cận đất đai, vốn, nhân lực.

3.7. Tập trung thúc đẩy khai thác, triển khai, kết nối, hợp tác hiệu quả; tăng cường thu hút các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư cho nghiên cứu, sản xuất và phát triển KH-CN, ĐMST và CDS tại Thành phố; xem xét, ưu tiên các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở tại Thành phố. Khuyến khích đầu tư vào nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao thông qua các chính sách ưu đãi thuế, tài chính, hỗ trợ về đất đai và cơ sở hạ tầng cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ĐMST và CDS; ưu tiên đầu tư, mua sắm công các sản phẩm là kết quả của nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ số.

3.8. Bố trí đủ nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để triển khai các nội dung, nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch. Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động KH-CN, ĐMST và CDS đáp ứng nhu cầu phát triển của Thành phố và quy định; lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

3.9. Xây dựng chương trình đầu tư công về phát triển KH-CN, ĐMST và CDS trong giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến 2045, trong đó ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ, dự án về phát triển KH-CN, ĐMST và CDS theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030.

3.10. Cho phép thí điểm thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm có sử dụng ngân sách nhà nước: Hình thành các Quỹ đầu tư mạo hiểm và chính sách tương ứng (vốn vào ra, vận hành, thoái vốn, cơ chế chia sẻ lợi ích,...) cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và CDS đầu tư vốn vào các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực trọng điểm về KH-CN nhằm hỗ trợ, thúc đẩy ĐMST và thương mại hóa sản phẩm KH-CN (nếu đủ điều kiện). Ưu tiên bố trí ngân sách cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ trọng điểm, dự án CDS của Thành phố. Xây dựng các mô hình hợp tác công - tư (PPP) trong đầu tư phát triển hạ tầng KH-CN, ĐMST và CDS, đặc biệt là các dự án ứng dụng công nghệ mới, hỗ trợ doanh nghiệp trong các lĩnh vực nghiên cứu và phát triển sản phẩm sáng tạo; hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ để hình thành và phát triển các Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế (tương tự cơ chế áp dụng đối với Thủ đô Hà Nội quy định tại Luật Thủ đô 2024).

4. Xây dựng chiến lược phát triển hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số

4.1. Xây dựng các chương trình về CDS Thành phố từng giai đoạn 5 năm, đảm bảo mục tiêu đến năm 2045.

- Chiến lược tổng thể 10 năm đầu tư phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, bảo đảm an toàn, an ninh, có tính dự phòng.

- Lồng ghép chiến lược tổng thể phát triển hạ tầng số và quy hoạch tổng thể của Thành phố.

- Ưu tiên phát triển hạ tầng số cho các khu vực trọng điểm (khu công nghiệp, khu công nghệ cao, đô thị thông minh, Trung tâm tài chính quốc tế, Trung tâm khởi nghiệp sáng tạo...), có tính kết nối, liên thông; thúc đẩy kết nối, chia sẻ hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn; lồng ghép các nội dung phát triển hạ tầng số vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Mở rộng phủ sóng băng thông rộng (4G, 5G, 6G, cáp quang) đến các vùng sâu, vùng xa; tăng dung lượng kênh truyền trên mạng truyền số liệu chuyên dùng cho cơ quan Đảng, nhà nước; tăng dung lượng kênh truyền internet cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức nhà nước.

- Thiết lập trung tâm dữ liệu và hệ thống tính toán hiệu năng cao; phối hợp xây dựng trung tâm dữ liệu vùng; có cơ chế phát triển, khai thác các trung tâm dữ liệu được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách; ưu tiên khai thác, sử dụng hạ tầng dữ liệu do Trung ương đầu tư đối với các dữ liệu trọng yếu của Thành phố.

- Ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở theo từng giai đoạn; xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu theo danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung đã ban hành; cung cấp dữ liệu mở theo từng lĩnh vực.

- Tập trung các hoạt động CDS trong cơ quan nhà nước; tăng dần hàm lượng hoạt động của cơ quan nhà nước dựa trên dữ liệu; thường xuyên rà soát, tái cấu trúc, số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ dựa trên công nghệ số, thúc đẩy cải cách hành chính; tăng tỷ lệ liên thông dữ liệu giữa các cơ quan Đảng, nhà nước, các đơn vị sự nghiệp giữa các cấp; phát triển hàm lượng và tần suất cung cấp dữ liệu cho doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế từ nguồn dữ liệu cơ quan nhà nước để phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Tăng tỷ lệ giao tiếp giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp, tổ chức và người dân thông qua môi trường số, từng bước thiết lập công cụ để doanh nghiệp, tổ chức và người dân tham gia vào hoạt động của cơ quan Đảng, chính quyền và các cơ quan chuyên môn thuộc Thành phố.

- Thiết lập và phát triển hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động thu thập, lưu trữ, phân tích, cung cấp thông tin, dữ liệu theo mô hình trung tâm điều hành thông minh, triển khai các công cụ phân tích dữ liệu (Big Data, AI) nhằm từng bước tăng cường thông tin, dữ liệu phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cơ quan Đảng, nhà nước, xử lý phản ánh thông tin từ doanh nghiệp, tổ chức và công dân theo thời gian thực.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...); triển khai chương trình đo lường, xác định chỉ số CDS doanh nghiệp để thúc đẩy CDS doanh nghiệp; triển khai hỗ trợ doanh nghiệp CDS theo chương trình của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Phát triển nền tảng kết nối doanh nghiệp - nhà cung cấp giải pháp công nghệ, xây dựng thương hiệu số cho sản phẩm chủ lực của Thành phố; áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc, IoT, blockchain cho các sản phẩm trong Thành phố. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu; đồng thời thiết lập cổng thông tin, sàn thương mại điện tử của Thành phố để hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm địa phương, kết nối doanh nghiệp trong nước và quốc tế. Tổ chức hội chợ, hội thảo công nghệ; tạo môi trường chia sẻ kiến thức, thông tin về sản phẩm, hàng hóa, công nghệ bằng các hình thức trực tiếp, trực tuyến.

- Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ trên địa bàn Thành phố đầu tư ra nước ngoài; thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước khởi nghiệp tại Thành phố, ưu tiên doanh nghiệp có hàm lượng công nghệ số cao trong vận hành, sản xuất, nhất là doanh nghiệp có hàm lượng kinh tế cao như doanh nghiệp điện tử, doanh nghiệp bán dẫn.

- Phát triển hạ tầng di động và internet ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa; tăng thông lượng và tiêu dùng băng rộng trên địa bàn để phát triển xã hội số và góp phần tăng trưởng tổng thu ngân sách theo địa bàn. Phát triển thanh toán số, tổ chức mô hình chợ trực tuyến theo từng địa bàn để thúc đẩy kinh tế số; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số nhằm gia tăng giao dịch số và an toàn an ninh trong giao dịch của người dân; triển khai sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số”, nâng cao kỹ năng số cho người dân thông qua nền tảng học trực tuyến mở đại trà quốc gia MOOCs; chú trọng thực hiện chiến lược “học tập suốt đời”.

- Số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa bàn Thành phố, phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số. Thiết lập các công cụ thu thập dữ liệu từ các nguồn, thực hiện phân tích, chuẩn hóa, lưu trữ, dán nhãn dữ liệu, là cơ sở để sử dụng các công nghệ về dữ liệu, phục vụ hoạt động hoạch định chính sách, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng chiến lược phát triển.

- Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững.

- Khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng số, phát triển các nền tảng số phục vụ thương mại, phục vụ cộng đồng. Xây dựng công bố danh mục các hạng mục, dự án cần đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về CDS.

- Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu của các ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội; kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu để người dân, doanh nghiệp khai thác, tạo giá trị mới, ĐMST. Đầu tư hạ tầng tính toán hiệu năng cao Thành phố phục vụ triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ chính quyền số và đô thị thông minh. Phát triển mạnh mẽ ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng.

4.2. Đưa nội dung, chỉ tiêu về chuyển đổi số vào văn kiện Đại hội Đảng trong từng giai đoạn, thực hiện tại cấp tỉnh và cấp cơ sở; xây dựng Kế hoạch thực hiện theo nhóm lĩnh vực, thực hiện tại từng cấp, từng ngành; thực hiện trên các nhóm lĩnh vực chính gồm phát triển hạ tầng số; chính quyền số; kinh tế số và xã hội số; dữ liệu số; đảm bảo an toàn, an ninh mạng; phát triển nông thôn thông minh; y tế thông minh; giáo dục thông minh;... phát triển ứng dụng các công nghệ mới như IoT, AI, Blockchain, Big Data, GIS... trong các ngành, lĩnh vực.

5. Xây dựng chiến lược tổng thể 10 năm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển

5.1. Chiến lược hình thành và phát triển trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển của Thành phố

- Hình thành và phát triển các trung tâm nghiên cứu - phát triển, vườn ươm khởi nghiệp, không gian sáng tạo trong các trường đại học, cao đẳng; thu hút đầu tư từ doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu để hình thành các vườn ươm khởi nghiệp, vườn ươm công nghệ.

- Tạo điều kiện kết nối trung tâm nghiên cứu, phát triển - trường - doanh nghiệp; kết nối hệ thống các phòng thí nghiệm phục vụ sản xuất và đời sống; thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống.

- Xây dựng các chương trình ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp ĐMST định kỳ.

5.2. Chiến lược khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp ĐMST

- Xây dựng chính sách đột phá nhằm khuyến khích và thúc đẩy mạnh mẽ doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST, khởi nghiệp công nghệ cao.

- Hỗ trợ thủ tục pháp lý, văn phòng làm việc, đào tạo kỹ năng quản trị, marketing, gọi vốn, chuyên gia tư vấn ...

- Kết nối quỹ đầu tư, nhà đầu tư thiên thần, cộng đồng cố vấn cho các dự án khởi nghiệp tại địa phương.

5.3. Chiến lược nâng cao năng lực nghiên cứu

- Ưu tiên đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ giải quyết vấn đề bức thiết (nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản, bảo vệ môi trường, y tế, giáo dục, ...).

- Tăng cường phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu trung ương, quốc tế; thúc đẩy công bố khoa học, đăng ký sở hữu trí tuệ.

5.4. Chiến lược đẩy mạnh ĐMST trong khu vực công

Xây dựng văn hóa ĐMST; Tăng cường năng lực và kỹ năng cho cán bộ; Ứng dụng công nghệ và dữ liệu mở; Đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ để tạo không gian cho sáng tạo; Hợp tác với startup để triển khai giải pháp sáng tạo trong cung cấp dịch vụ công.

6. Xây dựng chiến lược 5 năm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tầm nhìn đến năm 2045

6.1. Chiến lược đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân lực KH-CN, ĐMST và CDS, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao

- Tập trung nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch hành động số 49-CTrHĐ/TU của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; các chương trình, đề án phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt, tập trung vào nhân lực công nghiệp bán dẫn, nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược.

- Xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu, bồi dưỡng kỹ năng số, sáng tạo cho đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ sư, chuyên gia công nghệ thông tin, tạo ra nguồn nhân lực đủ mạnh để đáp ứng yêu cầu phát triển công nghệ cao và chuyển đổi số; các chương trình đào tạo phải được cập nhật, gắn liền với nhu cầu thực tế của thị trường lao động, chú trọng phát triển kỹ năng số, kỹ năng sáng tạo, nghiên cứu khoa học và khả năng áp dụng công nghệ tiên tiến vào các ngành nghề.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM/STEAM, thu hút học sinh giỏi theo học các ngành STEM/STEAM; xây dựng và triển khai các chính sách phát hiện và bồi dưỡng tài năng STEM/STEAM từ sớm, quy hoạch và đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống trường chuyên, trường năng khiếu về khoa học tự nhiên.

- Xây dựng các chương trình khuyến khích, trao thưởng, tài trợ cho các cá nhân và nhóm nghiên cứu có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực KH-CN và ĐMST; có chính sách hỗ trợ các không gian làm việc chung, các hội thảo, sự kiện ĐMST, tạo điều kiện để các nhà khoa học, kỹ sư, chuyên gia,... trong lĩnh vực KH-CN và ĐMST có cơ hội giao lưu, học hỏi và hợp tác quốc tế.

- Nghiên cứu phát triển các nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến, mô hình giáo dục đại học số, nâng cao năng lực số trong xã hội.

- Tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển KH-CN, ĐMST và CDS của Thành phố. Nghiên cứu sớm đưa vào giảng dạy nội dung phát triển KH-CN, ĐMST và CDS. Phát triển đội ngũ giảng viên, các nhà khoa học đủ năng lực, trình độ đáp ứng việc giảng dạy lĩnh vực khoa học cơ bản, công nghệ thiết kế vi mạch - bán dẫn, kỹ thuật và công nghệ then chốt.

- Xác định rõ nhu cầu nhân lực của từng lĩnh vực; xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu, chất lượng cao; có chính sách ưu đãi để thu hút, giữ chân nhân tài.

6.2. Chiến lược bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức

- Xây dựng và tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số (quản trị dữ liệu, sử dụng nền tảng số...) cho lãnh đạo các cấp, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống chính trị; tổ chức các lớp tập huấn định kỳ.

- Tích hợp, lồng ghép nội dung CDS, ĐMST trong chương trình đào tạo chính quy, bồi dưỡng lý luận chính trị cán bộ; liên kết với doanh nghiệp công nghệ, tổ chức quốc tế để xây dựng chương trình thực hành, trao đổi chuyên gia, du học, thực tập,...

6.3. Chiến lược đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề của địa phương, gắn với nhu cầu thực tế của thị trường

- Có giải pháp, lộ trình tăng cường đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển KH-CN, ĐMST và CDS, nhất là ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực trọng điểm, có tính lan tỏa, tạo ra giá trị gia tăng cao.

- Tăng cường đào tạo về kỹ năng số, kiến thức về công nghệ mới; khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo; triển khai mô hình trường học thông minh, lớp học ảo, học liệu số; tạo điều kiện để học sinh, sinh viên tiếp cận công nghệ sớm.

- Khuyến khích các đề tài khoa học sinh viên, thúc đẩy phong trào nghiên cứu, khởi nghiệp trong môi trường đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt; hình thành đội ngũ lao động lành nghề, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và sử dụng. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, ưu tiên lao động kỹ thuật có tay nghề đi làm việc ở những thị trường có thu nhập cao, an toàn và tiếp tục phát huy nguồn lực này sau khi về nước. Đầu tư cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin hướng tới tổ chức các sản phẩm làm trực tuyến, giúp tăng cơ hội tìm kiếm việc làm cho người lao động.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình hợp tác giữa Thành phố và Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

6.4. Chiến lược tăng cường hợp tác trong đào tạo nhân lực

- Triển khai thí điểm các Đề án đào tạo nguồn nhân lực trình độ quốc tế.

- Thúc đẩy hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước; đổi mới chương trình đào tạo, hiện đại hóa phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo,...

- Tạo điều kiện cho sinh viên, giảng viên thực tập, nghiên cứu tại doanh nghiệp.

- Mời các chuyên gia, doanh nhân tham gia giảng dạy.

6.5. Chiến lược xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực KH-CN, ĐMST và CDS, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành

- Xây dựng cơ sở dữ liệu số tập trung, thống nhất toàn quốc về nhân lực KH-CN, ĐMST và CDS.

- Tăng cường kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo nên hệ sinh thái dữ liệu mở, thông minh và an toàn.

6.6. Chiến lược thu hút nhân tài, chuyên gia

Triển khai có hiệu quả các chính sách thu hút, đãi ngộ chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội nhằm thu hút, trọng dụng, giữ chân các nhà khoa học đầu ngành, các chuyên gia, các “tổng công trình sư” trong và ngoài nước có khả năng tổ chức, điều hành, chỉ huy, triển khai các nhiệm vụ trọng điểm về KH-CN, ĐMST, CDS, phát triển công nghệ trí tuệ nhân tạo, vi mạch - bán dẫn và đào tạo nguồn nhân lực. Tiếp tục rà soát, tham mưu theo thẩm quyền của Thành phố việc ban hành, thí điểm các cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học, người tài tham gia cùng Thành phố để giải quyết những vấn đề khó khăn, phức tạp, cấp bách, ... theo từng vụ việc; thí điểm cơ chế phối hợp và triển khai hiệu quả mô hình “04 nhà” (nhà trường, doanh nghiệp, chuyên gia, nhà nước).

Tạo môi trường làm việc thông thoáng, văn minh, ban hành chính sách đãi ngộ, hỗ trợ (nhà ở, lương thưởng, môi trường nghiên cứu và phát triển, ...), cơ chế giao nhiệm vụ KH-CN trung hạn, dài hạn để thu hút chuyên gia công nghệ cao, nhà khoa học giỏi đến làm việc tại Thành phố. Đồng thời, tạo cơ chế phát huy và trọng dụng các chuyên gia, nhà khoa học trình độ cao đang có trong hệ thống.

- Thiết lập mạng lưới chuyên gia, hiệp hội trí thức người địa phương ở trong và ngoài nước, kết nối tri thức phục vụ địa phương.

7. Xây dựng chiến lược chuyển đổi số, kinh tế số cấp Thành phố

7.1. Chiến lược 5 năm thực hiện Chương trình CDS của Thành phố và Đề án CDS trong các cơ quan đảng

- Phát triển các nền tảng số dùng chung, các cơ sở dữ liệu (CSDL) số dùng chung, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị tại Thành phố, đẩy mạnh cải cách hành chính, rà soát, tái cấu trúc, số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ dựa trên công nghệ số.

- Sử dụng các ứng dụng, nền tảng đã được Trung ương đầu tư.
- Tăng cường kết nối, chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng số giữa Thành phố với Trung ương.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định.

- Khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng số.

7.2. Chiến lược 5 năm triển khai các nền tảng số

- Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu (dân cư, đất đai, doanh nghiệp...) trên nền tảng chung, tích hợp với AI, hạn chế trùng lặp, phân tán dữ liệu.

- Nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số; xây dựng Trung tâm điều hành thông minh Thành phố, kết nối đến cấp xã tùy điều kiện.

- Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: du lịch, nông nghiệp, sản xuất, logistics, thương mại điện tử, giáo dục, y tế, đô thị, môi trường, ...

- Phát triển thanh toán số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị tại Thành phố, phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.

7.3. Xây dựng chiến lược 5 năm, các chương trình, đề án cụ thể

- Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...).

- Phát triển nền tảng kết nối doanh nghiệp - nhà cung cấp giải pháp công nghệ, tổ chức hội chợ, hội thảo công nghệ; tạo môi trường chia sẻ kiến thức.

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu.

- Xây dựng thương hiệu số cho sản phẩm chủ lực, áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc, IoT, Blockchain trong nông nghiệp, chế biến...

- Nâng cấp cổng thông tin, sàn thương mại điện tử cấp Thành phố hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm Thành phố, kết nối doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

- Triển khai các công cụ phân tích dữ liệu (Big Data, AI) để dự báo, đánh giá thị trường, nâng cao hiệu quả marketing.

- Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ Thành phố đầu tư ra nước ngoài; thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước khởi nghiệp tại Thành phố.

- Đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về CDS.

8. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

8.1. Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân

8.2. Tăng cường an ninh mạng

- Thành lập hoặc nâng cấp Trung tâm Giám sát An ninh mạng Thành phố.

- Xây dựng đội ngũ chuyên trách ứng cứu sự cố.

- Ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng.

- Định kỳ kiểm tra, diễn tập phòng chống tấn công mạng.

- Tăng cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố an ninh mạng.

- Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố.

8.3. Cụ thể hóa các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng

- Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, xử lý sự cố, trong đó xác định rõ đầu mối phối hợp với các cơ quan Trung ương (Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban Cơ yếu Chính phủ), có kế hoạch theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống để đảm bảo an ninh, an toàn.
- Khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.
- Nghiên cứu, đánh giá và ưu tiên sử dụng giải pháp, sản phẩm an toàn thông tin “Made in Việt Nam”.

9. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển KH-CN, ĐMST và CDS

9.1. Hợp tác với địa phương lân cận, vùng kinh tế, doanh nghiệp, nhà khoa học

- Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh, Thành phố lân cận trong và ngoài khu vực để thúc đẩy việc thực hiện Nghị quyết (chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác đào tạo nhân lực, xây dựng hạ tầng, nền tảng số dùng chung...), phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm ĐMST. Tổ chức học tập kinh nghiệm các tỉnh, thành phố có các mô hình, giải pháp phát triển KH-CN, ĐMST và CDS hiệu quả, phù hợp với thực tế của Thành phố, đặc biệt trong việc xây dựng cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển công nghệ và ĐMST; thúc đẩy các sáng kiến hợp tác giữa các cơ quan chính phủ và các doanh nghiệp quốc tế trong việc triển khai các dự án đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Tổ chức hội nghị, diễn đàn thường niên về CDS, KH-CN cấp vùng, quốc gia. Thúc đẩy các chương trình nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược.
- Tổ chức các diễn đàn, hội thảo, hội nghị kết nối giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp.

9.2. Hội nhập quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài

- Khuyến khích kết nối với các tổ chức, quỹ, doanh nghiệp công nghệ quốc tế; thúc đẩy chuyển giao công nghệ cao.
- Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước có trình độ KH-CN và CDS phát triển, đặc biệt là trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ vi mạch - bán dẫn, công nghệ sinh học, vật liệu tiên tiến,...
- Hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp trong và ngoài nước để đào tạo, trao đổi kinh nghiệm và chuyển giao công nghệ. Thúc đẩy hợp tác với các trung tâm khoa học và công nghệ hàng đầu thế giới như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc,...; tổ chức các hội nghị, triển lãm quốc tế và xây dựng mạng lưới kết nối giữa doanh nghiệp khởi nghiệp, nhà khoa học và các tổ chức quốc tế.
- Xây dựng và triển khai các chương trình, chính sách xúc tiến, thu hút các doanh nghiệp công nghệ lớn của thế giới đến đầu tư sản xuất, kinh doanh tại Thành phố.
- Tăng cường tham gia các sự kiện, hội chợ công nghệ toàn cầu; xây dựng thương hiệu địa phương về ĐMST, KH-CN.

- Chủ động tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế, học tập kinh nghiệm về KH-CN, ĐMST và CDS.
- Đề xuất các sáng kiến, giải pháp hợp tác quốc tế. Ký kết các thỏa thuận hợp tác. Triển khai các dự án hợp tác cụ thể.
- Tìm kiếm, thúc đẩy các cơ hội hợp tác với các đối tác nước ngoài, ưu tiên các đối tác có thế mạnh về KH-CN, ĐMST và CDS.
- Thu hút đầu tư, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược từ nước ngoài vào địa phương.
- Khuyến khích các doanh nghiệp của địa phương hợp tác với các đối tác nước ngoài.
- Tạo điều kiện cho các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước đến địa phương làm việc, hợp tác.
- Ký kết hợp tác với các tổ chức phi chính phủ về ĐMST, khởi nghiệp sáng tạo để thu hút nguồn lực chuyên gia và nguồn lực về vốn để thúc đẩy ĐMST.

10. Giám sát, đánh giá và tuyên truyền

- Tăng cường kiểm tra, giám sát của cấp ủy, hệ thống chính trị các cấp trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển KH-CN, ĐMST và CDS quốc gia. Kịp thời có các điều chỉnh về cơ chế, chính sách, văn bản quy định khi phát hiện ra các dấu hiệu có thể không đạt được các mục tiêu, yêu cầu đã đặt ra. Ban hành quy chế, xây dựng cơ chế giám sát, thành lập đoàn kiểm tra định kỳ, báo cáo kết quả theo tháng, quý, 6 tháng, 1 năm. Thực hiện sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời mục tiêu, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.
- Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ KH-CN, ĐMST và CDS. Minh bạch quy trình phê duyệt, quản lý, sử dụng kinh phí; tạo cơ chế tự chủ hơn cho tổ chức phát triển KH-CN, ĐMST và CDS.
- Tuyên truyền về kết quả kiểm tra, giám sát của cấp ủy, hệ thống chính trị các cấp về phát triển KH-CN, ĐMST và CDS vào phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trên địa bàn Thành phố.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch chính quyền các địa phương

- a) Chủ động phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này.
- b) Ưu tiên bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch.
- c) Tập trung chỉ đạo thực hiện nội dung nhiệm vụ, giải pháp cụ thể; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch, định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ) kết

quả thực hiện Kế hoạch và những kiến nghị, đề xuất định kỳ hàng tháng, 3 tháng, 6 tháng, 1 năm, báo cáo Ban Chỉ đạo và Thường trực Thành ủy về kết quả triển khai, kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả; chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết các chương trình, đề án theo từng giai đoạn; khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu; đề xuất điều chỉnh Kế hoạch hành động nếu thấy cần thiết.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Là cơ quan thường trực điều phối chung phát triển KH-CN, ĐMST và CDS trên địa bàn Thành phố.

- Xây dựng và triển khai Chiến lược phát triển KH-CN và ĐMST giai đoạn 2025 - 2030, Chương trình CDS Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2025 - 2030, Chương trình nghiên cứu khoa học - phát triển công nghệ và nâng cao tiềm lực KH-CN trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2026 - 2030 và các giai đoạn tiếp theo, xác định các nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện và huy động các nguồn lực để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KH-CN và CDS của Thành phố.

- Triển khai hiệu quả các nền tảng phát triển KH-CN, ĐMST để bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về CDS, phát triển kỹ năng số, an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn Thành phố.

- Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch và tổng hợp báo cáo theo quy định; đồng thời, rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét điều chỉnh, bổ sung (nếu có).

- Kịp thời đề xuất khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động phát triển KH-CN, ĐMST và CDS của Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Công an Thành phố

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan triển khai hiệu quả Đề án 06.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu Thành lập mới hoặc nâng cấp Trung tâm Giám sát An ninh mạng Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tổ chức bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình phát triển KH-CN, ĐMST và CDS.

4. Sở Tài chính

- Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan, tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, bố trí nguồn kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan để thực hiện Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp các sở ngành liên quan tham mưu bố trí kế hoạch vốn dự án sử dụng vốn đầu tư công theo thứ tự ưu tiên, trong khả năng cân đối nguồn vốn của Thành phố (nếu có).

5. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể

- Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp và nhân dân hưởng ứng các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch hành động.

- Phát động phong trào thi đua sáng tạo, khởi nghiệp; tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong quá trình thực hiện (phản ánh những khó khăn, bất cập lên Ban Chỉ đạo Trung ương).

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn Thanh niên, các hội, hiệp hội... phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ số tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng số cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh... và các đối tượng có liên quan.

6. Đài Truyền hình Thành phố; Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố; Cổng thông tin điện tử Thành phố và các cơ quan báo chí trên địa bàn Thành phố

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về vai trò, ý nghĩa và nội dung của Kế hoạch. Phối hợp với các sở, ban, ngành Thành phố, địa phương xây dựng tài liệu, tin bài, bài nghiên cứu, chuyên mục, video clip, Infographic, hợp báo, chiến dịch truyền thông, quảng bá trên các kênh phương tiện đại chúng; lồng ghép với các chương trình truyền thông trên địa bàn Thành phố, kịp thời đưa tin, bài về các ý tưởng, sáng kiến, cách làm đột phá, sáng tạo trong hoạt động phát triển KH-CN, ĐMST và CDS, thông tin, phổ biến các mô hình thành công của các tổ chức, cá nhân.

7. Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn Thành phố

Phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị, địa phương trong hoạt động phát triển KH-CN, ĐMST và CDS trên địa bàn Thành phố. Tham gia các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, ý thức của xã hội về phát triển KH-CN, ĐMST và CDS, bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ thông tin cá nhân, dữ liệu cá nhân trên môi trường mạng.

8. Cơ chế thông tin, báo cáo, sơ kết, tổng kết

- Thông tin, báo cáo định kỳ: Ủy ban nhân dân, các sở, ban ngành, Mặt trận, đoàn thể định kỳ hàng tháng, 3 tháng, 6 tháng, 1 năm báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch gửi về Ban Chỉ đạo; Ban Chỉ đạo tổng hợp, báo cáo Thường trực Thành ủy, đồng thời gửi báo cáo về Ban Chỉ đạo Trung ương và cập nhật vào hệ thống giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng dẫn của Trung ương.

- Kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết: Hằng năm, Ban Chỉ đạo tổ chức kiểm tra liên ngành tại một số Sở, ngành, đơn vị trọng điểm. Hằng năm, Ban Chỉ đạo phối hợp với các ban đảng, Ủy ban nhân dân Thành phố sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm; có thể điều chỉnh một số mục tiêu, nhiệm vụ nếu cần. Giữa và cuối nhiệm kỳ hoặc theo chu kỳ 2,5 năm, tổ chức sơ kết, tổng kết theo giai đoạn trên phạm vi toàn Thành phố; biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu, đồng thời đề xuất phương hướng cho giai đoạn tiếp theo.

V. HIỆU LỰC THI HÀNH

1. Kế hoạch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Kế hoạch số 1413/KH-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Triển khai Chương trình hành động số 63-CTrHĐ/TU ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

2. Những nhiệm vụ nào đã triển khai theo Kế hoạch 1413/KH-UBND thì tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Kế hoạch này, các sở, ban, ngành Thành phố, địa phương chủ động đề xuất, gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng ĐDBQH&HĐND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- UBND các phường, xã (sau sắp xếp);
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Các Phòng NCTH;
- Lưu: VT, (KT-P.Loan).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thị Diệu Thúy